

Số: 14/2018/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, tỷ lệ điều tiết phí bảo vệ môi trường  
đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;*

*Xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định mức thu, tỷ lệ điều tiết phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, tỷ lệ điều tiết phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

b) Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản, các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Mức thu:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu
1	Cát các loại (không kể cát vàng, cát trắng)	đồng/m <sup>3</sup>	4.000
2	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	đồng/m <sup>3</sup>	2.000
3	Đất sét, đất làm gạch, ngói	đồng/m <sup>3</sup>	2.000
4	Các loại đất khác	đồng/m <sup>3</sup>	2.000
5	Nước khoáng thiên nhiên	đồng/m <sup>3</sup>	3.000

Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định trên.

3. Tỷ lệ điều tiết:

- Nước khoáng thiên nhiên: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.
- Cát các loại (không kể cát vàng, cát trắng): Ngân sách cấp tỉnh hưởng 30%; ngân sách cấp huyện hưởng 50%; ngân sách cấp xã hưởng 20%.
- Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình, đất sét, đất làm gạch, ngói và các loại đất khác: Ngân sách cấp huyện hưởng 30%; ngân sách cấp xã hưởng 70%.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Nghị quyết này thay thế khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 36/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 13 về việc phê duyệt mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và miễn lệ phí quốc tịch, lệ phí hộ tịch cho người Lào. /

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thương vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình, Báo Thái Bình;
- Lưu VTVP.

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Trọng Thăng**